

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90 /QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 16 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa
(Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa,
huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 484/SXD – QH&KT ngày 08/05/2018 của Giám Đốc Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa);

Xét Tờ trình số 82/TTr-KTHT ngày 14/9/2020 của của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và Báo cáo số 03/BC-HĐTĐ ngày 24/6/2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh)

1.2. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới lập quy hoạch:

Quy hoạch chung xây dựng toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, với diện tích tự nhiên: 2.297,93 ha; gồm 07 ấp Sâm Bua, Bình La, Bót Chéch, Ba Se A, Ba Se B, Ô Chích A, Ô Chích B. Tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Trà Vinh.
- Phía Tây giáp xã Song Lộc.
- Phía Nam giáp xã Lương Hòa A.
- Phía Bắc giáp xã Nguyệt Hóa và huyện Càng Long.

2. Cơ quan tổ chức điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa.

3. Cơ quan thẩm định, phê duyệt đồ án:

- Cơ quan thẩm định đồ án: Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện Châu Thành.
- Cơ quan phê duyệt đồ án: Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

4. Mục tiêu, tính chất, chức năng kinh tế chủ đạo:

4.1. Mục tiêu:

- Xây dựng phát triển không gian hài hòa, đảm bảo kết nối hạ tầng chung khu vực;
- Định hướng phát triển và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang xóm ấp, khu dân cư, tạo mỹ quan nông thôn;
- Làm cơ sở quản lý phát triển các dự án đầu tư, công trình phù hợp theo quy hoạch;
- Kết nối các khu chức năng: Trung tâm xã và khu dân cư với các khu vực sản xuất trên địa bàn, tổ chức hợp lý phục vụ sinh hoạt sản xuất;
- Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự, thúc đẩy phát triển kinh tế.

4.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

- Xã Lương Hòa là xã thuần nông, xã phát triển kinh tế chủ yếu là nông nghiệp gắn với đẩy mạnh Công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển theo quy hoạch.

- Chức năng: Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh) gồm tổ chức kết nối khu trung tâm xã, các khu vực dân cư, các công trình hạ tầng, các khu vực sản xuất và các khu vực khác hợp lý.

5. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

5.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 11.341 người;
- Dân số đến năm 2025 = 11.980 người;
- Dân số đến năm 2030 = 12.650 người.

5.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

- + Đất ở nông thôn : $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$
- + Đất công trình công cộng : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$
- + Đất Cây xanh – TĐTT : $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$
- + Đất giao thông đối nội : $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- + Mật độ xây dựng toàn khu : 30 – 40%.
- + Hệ số sử dụng đất toàn khu : 0,5 – 1,0.
- + Chiều cao xây dựng tối đa : 25m (theo QCVN 01:2008).
- Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: (theo QCVN 01:2008).
- + Cấp nước sinh hoạt : 80 lít /người/ngày.đêm.
- + Công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt.
- + Cấp điện sinh hoạt : 400 – 1000 KWh/ng/năm.
- + Điện công cộng : 30% điện sinh hoạt.
- + Thoát nước thải : $\geq 80\%$ nước cấp.
- + Rác thải : 0,8 kg/người/ngày.đêm.

6. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:

6.1. Cơ cấu phân khu chức năng:

- Bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất:

+ Không gian trung tâm, vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế, nhà văn hóa, thư viện, khu thương mại dịch vụ...

+ Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới. Các khu dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục lộ, kênh rạch.

+ Không gian sản xuất, định hướng phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý

- Cơ cấu các điểm dân cư nông thôn như sau:

+ Điểm dân cư trung tâm xã: Khu trung tâm xã với diện tích 15 ha; bố trí dọc theo Quốc lộ 60, với dân số dự kiến năm 2030 là 1500 người. Đây là điểm dân cư trung tâm nơi tập trung các công trình hành chính, thông tin, dịch vụ, giáo dục chính của xã gồm UBND, HUBND, Chợ, Trường học, Bưu điện, sân thể thao, khu thương mại, trạm cấp nước...

+ **Tuyến dân cư thứ 1:** Thuộc ấp Sâm Bua;

+ **Tuyến dân cư thứ 2:** Thuộc ấp Bình La;

+ **Tuyến dân cư thứ 3:** Thuộc ấp Bót Chéch;

+ **Tuyến dân cư thứ 4:** Thuộc ấp Ba Se A;

+ **Tuyến dân cư thứ 5:** Thuộc ấp Ba Se B;

+ **Tuyến dân cư thứ 6:** Thuộc ấp Ô Chích A;

+ **Tuyến dân cư thứ 7:** Thuộc ấp Ô Chích B.

+ Ngoài ra dân cư sống rải rác trong các khu nông nghiệp của gia đình. (vị trí các điểm dân cư xem thêm sơ đồ định hướng phát triển không gian kèm theo).

Bảng thống kê các tuyến dân cư

STT	Tên ấp	Số người	Diện tích (ha)	Số người năm 2025	Diện tích (ha)	Số người năm 2030	Diện tích (ha)
I	Khu trung tâm xã	500	1,57	1.000	10,00	1500	15,00
II	Các điểm dân cư khác						
1	Sâm Bua	1.200	3,76	1.231	12,31	1.249	12,49
2	Bình La	1.696	5,31	1.732	17,32	1.742	17,42
3	Bót- Chéch	1.471	4,61	1.484	14,84	1.481	14,81
4	Basa A	2.119	6,63	2.138	21,38	2.224	22,24
5	Base B	1.577	4,94	1.660	16,60	1.680	16,80
6	Ô Chích A	1.432	4,48	1.413	14,13	1.448	14,48
7	Ô Chích B	1.346	4,21	1.322	13,22	1.327	13,27
	Tổng:	11.341	35,51	11.980	119,80	12.650	126,50

6.2. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

a) Tổ chức không gian tổng thể:

- Tổng thể không gian xã Lương Hòa được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

- Đối với không gian trung tâm phải đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất của người dân.

- Đối với không gian các khu dân cư cần tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới.

- Đối với không gian sản xuất, việc quy hoạch sẽ phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất.

b) Tổ chức không gian trung tâm:

- Điểm dân cư trung tâm xã: Khu trung tâm xã với diện tích 15 ha: bố trí dọc theo Quốc lộ 60, với dân số dự kiến năm 2030 là 1.500 người. Đây là điểm dân cư trung tâm nơi tập trung các công trình hành chính, thông tin, dịch vụ, giáo dục chính của xã gồm: UBND, HĐND, chợ, trường học, bưu điện, sân thể thao, khu thương mại, trạm cấp nước...

- Đây là trung tâm của các điểm dân cư toàn xã, tại đây sẽ bố trí các khu chức năng như: Trường học, nhà trẻ, ban nhân dân ấp, bưu điện, nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện, trường học, trạm y tế, khu thương mại dịch vụ,... kết hợp với một khu cây xanh – vườn hoa sử dụng công cộng,... Các chức năng được bố trí tập trung để tạo cảnh quan, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và bán kính phục vụ nhu cầu thiết yếu.

c) Tổ chức không gian các khu dân cư:

- Khu dân cư hiện hữu phân bố chủ yếu theo các tuyến giao thông liên ấp, liên xã và tuyến giao thông dọc theo Quốc lộ 60, Đường huyện 11. Trong tương lai, vẫn sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu. Hình thức không gian nhà ở dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 400 m² – 800 m² được bố trí các chức năng phù hợp (kết hợp đất ở và sản xuất nông nghiệp).

d) Tổ chức không gian sản xuất:

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phân đất nông nghiệp được tổ chức theo 2 dạng tập trung và phân tán.

- Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng phù hợp với đại hình, thổ nhưỡng. Phát triển các loại hình tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

6.3. Vị trí quy mô các công trình công cộng dịch vụ xã:

a) Công trình giáo dục:

Trường tiểu học Tô Thị Huỳnh có điểm chính đặt tại ấp Sâm Bua với diện tích là 0,62 ha và các điểm phụ đặt trên địa bàn các ấp với tổng diện tích hiện trạng là 2,246 ha đã đạt tiêu chuẩn về diện tích đất giáo dục cho học sinh tiểu học đến năm 2030 so với quy hoạch, nên trong quá trình sử dụng sẽ chỉ cải tạo chỉnh trang các điểm trường học xuống cấp theo quy định. Đối với một số điểm trường đã ngưng sử dụng diện tích đất vẫn giữ nguyên trên quy hoạch là đất giáo dục cho đến khi có chủ trương chuyển đổi công năng sử dụng theo kế hoạch của xã và huyện.

* Trường Mẫu giáo:

- Căn cứ theo điều kiện phân bố dân cư, khả năng đi lại và cập nhật các dự án trên địa bàn xã Lương Hòa. Trường Mẫu giáo Hoa Sen điểm chính sẽ được cải tạo chỉnh trang, mở rộng để đáp ứng theo Thông tư 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn là 0.592 ha (tăng 0.485 ha). Thực hiện công tác vận động và dần chuyển các trẻ tại các điểm phụ về lại điểm chính nhằm đảm bảo điều kiện tốt nhất về cơ sở hạ tầng, cũng như môi trường vui chơi học tập cho trẻ. (vị trí cụ thể sẽ xác định trong các dự án);

- Di dời một điểm Trường Mẫu giáo Hoa Sen (điểm Bót Chéch) với diện tích 800m². (vị trí cụ thể xác định trên bản đồ). Đối với một số điểm trường mầm non đã ngưng sử dụng sau khi luân chuyển diện tích đất vẫn giữ nguyên trên quy hoạch là đất giáo dục cho đến khi có chủ trương chuyển đổi công năng sử dụng theo kế hoạch của xã và huyện.

* Trường Tiểu học:

Thực hiện Đề án sáp nhập trường lớp, Trường Tiểu học Tô Thị Huỳnh điểm chính đặt tại ấp Sâm Bua sẽ cải tạo, chỉnh trang, mở rộng với tổng diện tích là 0.777 ha (tăng 0.662 ha) (vị trí cụ thể sẽ xác định trong các dự án).

* Trường Trung học cơ sở:

Cải tạo chỉnh trang, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lương Hòa hiện hữu nằm ở vị trí ấp Sâm Bua, với tổng diện tích quy mô 0.695 ha (tăng 0.536 ha) (vị trí cụ thể sẽ xác định trong các dự án).

Bảng tổng hợp quỹ đất xây dựng công trình giáo dục (xã)

	Chỉ tiêu quy hoạch (HS/1000dân)	Chỉ tiêu diện tích giáo dục tối thiểu	Số người năm 2030	Số học sinh năm 2030	Diện tích đất giáo dục cần (m ²)
Học sinh THCS	55	10	12.650	696	6.958
Học sinh Tiểu học	65	10		822	8.223
Học sinh Mầm non	50	12		633	7.590
Tổng				2.151	22.770

Diện tích đất đai các công trình giáo dục cải tạo chính trang có sự thay đổi so với hiện trạng là do nâng cấp mở rộng các tuyến đường và cập nhật các dự án theo quy hoạch vùng huyện đến năm 2025.

b) Công trình y tế:

Trạm y tế hiện hữu nằm ở vị trí ấp Sâm Bua, được cải tạo chính trang cho phù hợp với chức năng chuyên ngành, với diện tích khoảng 0,19 ha gồm trạm y tế và vườn thuốc (đảm bảo theo quy chuẩn $\geq 1.000 \text{ m}^2$).

c) Công trình trụ sở hành chính - văn hóa:

Khu trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc HĐND, UBND, ...) tại vị trí ấp Phú Khánh với tổng diện tích khoảng 0,75 ha được giữ nguyên diện tích xây dựng, tương lai định hướng mở rộng theo hướng phát triển không gian đứng (nâng tầng).

d) Các công trình công cộng khác:

- Định hướng cải tạo chính trang chợ xã Sâm Bua đáp ứng đủ nhu cầu trao đổi mua bán hàng hóa của người dân trên địa bàn xã. Do diện tích chợ Sâm Bua không thể mở rộng thêm do đó định hướng đến năm 2030 xã sẽ đầu tư xây dựng chợ mới vs diện tích 3150 m^2 theo đúng quy định tại TCVN 9211: 2012. Bố trí tại các chợ và các điểm mua bán tập trung có ít nhất 01 nhà vệ sinh công cộng để tạo vẻ mỹ quan văn minh.

- Buu điện hiện hữu được cải tạo, chính trang tại vị trí ấp Sâm Bua, với quy mô 0,11 ha.

- Sân thể thao được định hướng quy hoạch tại ấp Ba Se A cập tuyến đường trục xã H01, với quy mô 0.61 ha đáp ứng được nhu cầu phục vụ người dân trên địa bàn xã.

- Dự kiến trên địa bàn xã, mỗi ấp sẽ có một khu sân thể thao ấp với diện tích tương ứng tối thiểu 0,2 ha/ấp: (vị trí cụ thể sẽ xác định trong các dự án).

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

*** Giao thông đối ngoại:**

Hai tuyến đường chính gồm Quốc lộ 60 (dài 4.000 m); Đường huyện 11 (dài 800 m); kết nối xã Lương Hòa với các khu vực khác trong huyện Châu Thành. Định hướng nâng cấp tối thiểu đạt theo Quyết định 1441/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh

*** Giao thông trong xã:**

- Các đường huyện, đường xã đi lại quanh năm; tỷ lệ mặt đường cứng (rải nhựa hoặc bê tông xi măng) đường huyện đạt 100, đường xã tối thiểu 70.

- Các tuyến đóng vai trò là trục chính yếu của xã (không phải là quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện) kết nối và lưu thông hàng hóa từ huyện tới các ấp, các

cơ sở sản xuất kinh doanh của xã. Các tuyến trục chính được quy hoạch xây dựng có kết cấu mặt đường rộng 3,5m, nền 5,5m, lộ giới 7m.

- Bên cạnh đó các tuyến đường chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân, có kết cấu như sau: Đối với lộ Dal mặt đường rộng 2,5m, nền 4,5m, lộ giới 6m, đối với lộ nhựa mặt đường rộng 3 m, nền 5 m, lộ giới 6m

- Phát triển giao thông nội đồng để đáp ứng được nhu cầu nông nghiệp hóa sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

- Hệ thống giao thông xã Lương Hòa được thống kê trong phụ lục kèm theo quyết định này.

7.2. Về cao độ nền, thoát nước mặt:

** Công tác thủy lợi:*

- Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn.

- Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương.

- Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn.

** Về cao độ nền:*

Chọn cao độ xây dựng +2,25m theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh Trà Vinh.

** Về thoát nước mưa:*

- Hướng thoát: về phía các kênh rạch hiện hữu giữ lại cho thoát nước theo hướng gần nhất.

- Hệ thống mương, cống thoát nước được bố trí dọc các trục đường chính.

- Một số tuyến kênh đề nghị được mở rộng và đào thêm để thuận lợi cho công tác tiêu nước.

7.3. Về hệ thống cấp nước:

** Chỉ tiêu cấp nước:*

- Khu vực thuộc vùng nông thôn mới: 80 l/người.ngđ.

- Khu công nghiệp: 40 m³/ha.

- Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 15% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lưu lượng nước cấp.

- Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,20 cho khu dân cư và 1,10 cho khu công nghiệp.

- Tổng lưu lượng nước cấp là khoảng: 1.541 (m³/ngày đêm)

** Định hướng hệ thống cấp nước:*

- Nguồn nước: tiếp tục sử dụng đồng thời nâng cấp các trạm hiện hữu từ 5m³/h lên 10-11m³/h phục vụ sinh hoạt cho hiện tại và giai đoạn dài hạn vì đảm bảo nhu cầu, đồng thời xây mới trạm cấp nước riêng cho cụm công nghiệp. Các hộ dân rải rác còn lại dùng giếng khoan tự túc.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới đường ống bằng nhựa PVC theo các tuyến giao thông chính.

7.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

** Chỉ tiêu thoát nước:*

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 100% tổng lưu lượng nước cấp

- Chỉ tiêu thoát nước thải công nghiệp: 80% tổng lưu lượng nước cấp

- Chỉ tiêu thoát nước công cộng, dịch vụ thương mại lấy bằng 15% nước thải sinh hoạt.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người.ngđ.

- Hệ số thoát nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,20 cho khu dân cư và 1,10 cho khu công nghiệp.

** Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

- Thoát nước thải: Nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến cống chung.

- Rác thải: được thu gom hằng ngày đưa về khu xử lý liên hợp chất thải rắn của tỉnh Trà Vinh với quy mô diện tích 10 ha.

- Nghĩa trang: phần lớn dân số là người dân tộc Khmer chủ yếu người chết được hỏa táng theo cách truyền thống, đối với người Kinh hiện nay cũng được hỏa táng, số còn lại được chôn cất trong khuôn viên đất nhà.

7.5. Về cấp điện:

** Chỉ tiêu cấp điện:*

Chỉ tiêu cấp điện phải đạt tối thiểu như sau:

- Ở-sinh hoạt dân cư trung tâm: 1500 kWh/hộ/năm.

- Ở-sinh hoạt dân cư nông thôn: 750 kWh/hộ/năm.

- Công trình công cộng...: 30% sinh hoạt.

- Đất nông nghiệp: 0,2 kW/ha
- Chiếu sáng giao thông : 10kW/ha.
- Giao thông, công viên : 20 kW/ha.
- Tổng nhu cầu cấp điện: 3.150kW

** Định hướng cấp điện:*

- Nguồn điện đang sử dụng trên địa bàn xã là hệ thống điện quốc gia thuộc khu vực điện nông thôn Châu Thành, điện lực Châu Thành và điện lực thành phố Trà Vinh, nguồn điện tương đối ổn định.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 22/0,4kV và 12,7/0,4kV kiểu trạm phòng, trạm đơn thân, compact, trạm giàn, trạm treo cấp điện 0,4kV cho khu quy hoạch.

- Mạng lưới điện trung thế 22kV: Mạng lưới đầu vào dây trung thế sử dụng dây nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm, tại ngõ ra hoặc băng qua trục đường đi ngầm. Tuyến trung thế cấp điện cho khu dân cư là đường dây trên không. Từ đây, phải đặt các trạm hạ thế tập trung, điện áp 22/0,4KV để cung cấp điện cho các hộ tiêu thụ.

7.6. Về hệ thống thông tin liên lạc (TTLL):

** Dự báo nhu cầu:*

- Điện thoại dự kiến cho nhà ở: 01-02 máy / 01hộ.
- Công trình công cộng... : 30% sinh hoạt.
- Dự phòng: 5%

** Nguồn cấp:*

Xây dựng mới lưới nối TTLL phân phối lâu dài sẽ được ngầm hóa dọc các đường trong khu quy hoạch từ các bưu điện, trạm điện thoại xây dựng mới sử dụng cáp đồng TTLL dung lượng mỗi tuyến khoảng 100-200 đôi, theo nhu cầu sử dụng hoặc cáp quang cung cấp dịch vụ cho hộ tiêu thụ thông qua các tủ phân phối thứ cấp.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

8.1. Về giao thông:

- Ưu tiên đầu tư cải tạo sửa chữa nâng cấp các tuyến đường trục chính của xã: đường Quốc lộ 60, Đường huyện 11.

- Ưu tiên đầu tư cải tạo sửa chữa xây mới các tuyến giao thông nội đồng chính nhằm phục vụ tốt cho việc vận chuyển nông sản hàng hóa của người dân.

- Đầu tư hệ thống giao thông liên ấp, giao thông nội bộ, các tuyến giao thông phục vụ cho việc đi lại của người dân.

- Việc phân kỳ đầu tư xây dựng dựa theo sự phân bổ vốn và danh mục đăng ký đầu tư công trình trung hạn 5 năm 2021 - 2025 của xã Lương Hòa để có sự đầu tư hợp lý.

8.2. Về công trình trụ sở cơ quan, tổ chức:

Xây mới Cụm quản lý hành chính tập trung xã Lương Hòa xã theo kế hoạch đã đề ra vào năm 2024 - 2025. Cơ bản đến năm cuối năm 2025, cụm hành chính tập trung xã Lương Hòa đạt chuẩn theo quy định.

8.3. Về thủy lợi:

Đào, nạo vét khơi thông dòng chảy tuyến kênh trrene địa bàn xã theo danh mục đăng ký hàng năm của xã Lương Hòa được huyện Phê Duyệt.

8.4. Về giáo dục:

Nâng cấp, sửa chữa các trường học trong giai đoạn (2021-2025):

- Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Tô Thị Huỳnh, xã Lương Hòa.

- Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Hoa Sen, xã Lương Hòa.

- Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Lương Hòa, xã Lương Hòa.

8.5. Về công trình khu vui chơi, thể dục thể thao:

- Xây dựng sân bóng đá xã Lương Hòa tại ấp Ba Se A với diện tích 0,61 ha.

- Việc đầu tư cải tạo nâng cấp, xây dựng mới thực hiện theo Danh mục điều chỉnh và bổ sung các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.

8.6. Về công trình thương mại dịch vụ:

- Lập kế hoạch, đầu tư xây dựng đến năm 2030 chợ xã Lương Hòa đạt đúng chuẩn quy định.

- Việc đầu tư cải tạo nâng cấp, xây dựng mới thực hiện theo Danh mục điều chỉnh và bổ sung các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm.

9. Quy định quản lý theo quy hoạch:

Quy định chi tiết trong Quy chế quản lý Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa (điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng:

10.1. Tiến độ thực hiện:

Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa (Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa) được triển khai, thực hiện kể từ ngày đồ án được UBND huyện quyết định ban hành đến hết thời hiệu của đồ án quy hoạch.

10.2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và phát huy quyền làm chủ của người dân thụ hưởng.

- Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp cùng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện quy hoạch, xây dựng kế hoạch động viên sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân xã đề xuất tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất để người dân chủ động và tích cực thực hiện theo chương trình, mô hình sản xuất nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch.

Điều 2. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, xác định hồ sơ bản vẽ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Lương Hòa phù hợp với Quyết định này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lương Hòa đến các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhân dân biết thực hiện theo đồ án quy hoạch, chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ quy hoạch của xã theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cấp ủy và Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính- Kế hoạch; Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch huyện; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./yk*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- LĐVP, NCKT, NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thạch Chiên
Thạch Chiên



PHỤ LỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ LƯƠNG HÒA

(Kèm Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

STT	Cấp đường	Tên đường	Mặt cắt ngang	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Kết cấu	Chiều rộng		Lộ giới	Ghi chú
								Nền (m)	Mặt (m)		
I	Đường giao thông đối ngoại										
1	Đường nhựa từ Phường 8 đến cầu Ô Chát	QL60	A-A	từ F8, Tp Trà Vinh	Cầu Ô Chát	4000	Nhựa	12	7	42	Tốt
2	Đường nhựa từ Ngã tư Sâm Bua đến giáp Lương Hòa A	HL11	1-1	từ Ngã tư Sâm Bua giáp F 8	Giáp ranh xã Lương Hòa A	1200	Nhựa	7	5	27,5	Tốt
II	Đường trục xã:										
1	Đường nhựa Ba Se A-Ô Chích A	H01	2-2	Đường Nguyễn Du, F8	QL 53	9800	Nhựa	5	3,5	7	Tốt
2	Đường nhựa Sâm Bua-Bình La	H02	2-2	HL11	Giáp ranh ấp Bót Chéch	3200	Nhựa	5	3,5	7	TB
3	Đường Nhựa Đê bao Bót Chéch	H03	2-2	QL 60	Giáp ranh xã Lương Hòa A	3000	Nhựa	5	3,5	7	Tốt
	Tổng cộng:					16000					
III	Đường Liên ấp, liên xóm:										

III.1	Đường liên ấp:										
1	Đường nhựa Sâm Bua 1, Lương Hòa	H04	2-2	Trường THCS Lương Hòa	Đường đal Sâm Bua	320	Nhựa	5	3,5	7	Tốt
2	Đường nhựa Ô3, Bình La	H05	3-3	Chùa Bình La	Nhà Văn hóa ấp Bình La	2240	Nhựa	5	3	6	TB
3	Đường đal Bình La-Bót Chéch	H06	3-3	Cty giống cây trồng Trà Vinh	Đường nhựa Đê bao Bót Chéch	3400	Đal	3,5	2	6	Tốt
4	Đường đal Bót Chéch	H07	3-3	Cầu Thanh niên	Giáp ranh xã Lương Hòa A	1500	Đal	3	2	6	Nâng cấp
6	Đường đal Ba Se A	H08	3-3	Đường Nguyễn Du, F8	Chùa Lò Gạch	1800	Đal	3,5	2	6	Tốt
7	Đường GTNT Ba Se A	H09	2-2	Đường nhựa Ba Se A-Ô Chích A	Chùa Lò Gạch	420	Nhựa	5	3,5	7	Tốt
8	Đường nhựa Lộ ngang, Ba Se A	H10	2-2	QL 60	Đường nhựa Ba Se A-Ô Chích A	650	Nhựa	5	3,5	7	Tốt
9	Đường nhựa Ba Se B	H11	3-3	Đường Nguyễn Du, F8	Nhà Văn hóa ấp Ba Se B	200	Nhựa	5	3,5	7	Tốt

10	Đường đal Ba Se B	H12	3-3	Nhà văn hóa ấp Ba Se B	Giáp ranh Ô Chích A	4000	Đal	3	2	6	TB
11	Đường GTNT Ô Chích B6	H13	3-3	QL60	Nhà văn hóa Ô Chích B	2800	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
12	Đường đal liên ấp Ô Chích A-B	H14	3-3	Đường đal Ô Chích B	Cầu đập Lương	1500	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
13	Đường đal Ô Chích A	H15	3-3	Đường Nhựa Ô Chích A	Đường đal Đập Lương	1200	Đal	3	2	6	TB
	Tổng cộng:					20030					
III.2	Liên xóm										
1	Đường GTNT ấp Sâm Bua 2	H16	2-2	HL11	Đường nhựa Sâm Bua	1600	Nhựa	5	3,5	7	LM
2	Đường GTNT ấp Sâm Bua 3	H17	3-3	Đường nhựa Sâm Bua 1	Chùa Bình La	560	Đal	3	3,5	6	LM
3	Đường đal Sâm Bua	H18	3-3	HL11	Trường TH Tô Thị Huỳnh	540	Đal	3,5	2	6	TB
4	Đường nhựa Sâm Bua, Lương Hòa	H19	2-2	QL60	Nhà văn hóa ấp Sâm Bua	3200	Nhựa	5	3,5	7	Tốt

5	Đường Nhựa Bình La 2	H20	2-2	Đường nhựa Ô 2, Bình La	Đường nhựa Sâm Bua	350	Nhựa	5	3,5	7	Tốt
6	Đường đal Bót Chếch 4	H21	3-3	Đường nhựa Đê bao	Nhà ông Ng V Thương	780	Đal	3,5	2	6	Tốt
7	Đường GTNT Bót Chếch 5	H22	2-2	Nhà ông Dane	Cầu Hai Thương	500	Nhựa	5	3,5	7	LM
8	Đường GTNT Bót Chếch 9	H23	2-2	Thala Kim Chương	Cầu Hòa Lạc	850	Nhựa	5	3,5	7	LM
9	Đường GTNT Bót Chếch 6	H24	2-2	Cầu Hòa Lạc C	Nhà ông Kim Sô Phép	600	Nhựa	5	3,5	7	LM
10	Đường đal Ba Se A (nối tiếp)	H25	3-3	Đường đal Ba Se A	Đình Ba Se A	220	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
11	Đường đal Ba Se A 7	H26	3-3	Đường nhựa Ba Se A-Ô Chích A	Rạch Trâu Rằm	200	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
12	Đường đal Ba Se A4	H27	3-3	Bờ Lũy	Đập Làng 1	870	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
13	Đường đal Ba Se A5	H28	3-3	Kênh Đập Làng 1	Đường đal Ô Chích A1	800	Đal	3,5	2,5	6	Tốt

14	Đường đal Đập Lương	H29	3-3	Đường đal Ô Chích A	Cầu Đập Lương	820	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
15	Đường đal Ô Chích A 1	H30	3-3	Đường nhựa Ô Chích A	Nhà Ông 3 Huân	510	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
16	Đường đal Tổ 2, Ô Chích A	H31	3-3	Đường GTNT Ô Chích A	Rạch Trâu Rằm	650	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
17	Đường GTNT Ô Chích A 4	H32	3-3	Đường GTNT Ô Chích A5	Rạch Trâu Rằm	1800	Đal	3,5	2,5	6	LM
18	Đường GTNT Ô Chích A6	H33	3-3	Miếu Bà	Điểm Trường TH	1000	Đal	3,5	2,5	6	LM
19	Đường GTNT Ô Chích A7	H34	3-3	Đường GTNT Ô Chích A	Rạch Trâu Rằm	900	Đal	3,5	2,5	6	LM
20	Đường GTNT Ô Chích B5	H35	3-3	Đường đal Ô Chích B	Nhà ông Tư Hên	500	Đal	3,5	2,5	6	Tốt
21	Đường GTNT Ô Chích B8	H36	3-3	Đường GTNT Ô Chích b5	Đường đal Ô Chích B	900	Đal	3,5	2,5	6	LM
22	Đường GTNT Ô Chích B7	H37	3-3	QL60	Đường đal Ô Chích B6	2200	Đal	3,5	2,5	6	LM

23	Đường GTNT Ba Se B	H38	2-2	Đường Nguyễn Du, F8	Đường nhựa Ba Se A-Ô Chích A	120	Nhựa	5	3,5	7	LM
	Tổng cộng:					20470					
IV	Đường trục Nội đồng										
1	Đường GTNT Bình La	H39	2-2	Nền Thiêu Bình La	Đê bao Bót Chéch	2030	Nhựa	5	3	7	Tốt
2	Đường GTNT Bình La 4	H40	2-2	Đê bao Bót Chéch	Kênh Kim Thương	1980	Nhựa	5	3	7	Tốt
3	Đường GTNT kênh Sa Lôn	H41	2-2	Đường Nhựa Sâm Bua	Kênh Ông Tinh	1900	Nhựa	5	3,5	7	LM
4	Đường GTNT kênh Ông Tinh	H42	2-2	Đường Nhựa Sâm Bua-Bình La	Đường GTNT Kênh Sa Lôn	2500	Nhựa	5	3,5	7	LM
5	Đường GTNT Bót Chéch 8	H43	4-4	QL60	Đường GTNT Bình La 4	2300	Nhựa	7	5	7	LM
	Tổng cộng:					10710					